

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 4 năm 2024

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len và bà Nguyễn Thị Thêu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 1, P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/9/2015. Sau khi kết hôn, anh T, chị H chuyển đến ở tại nhà riêng của

hai vợ chồng ở tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn khoảng một năm, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không còn hòa hợp về mặt tình cảm, có nhiều bất đồng trong cuộc sống hằng ngày, thường xuyên cãi vã trong việc nuôi dạy con cái và gánh vác trách nhiệm kinh tế gia đình. Từ năm 2017, chị H và anh T đã sống ly thân. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, động viên để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H và anh T vẫn không thể hàn gắn. Tháng 4/2023, anh T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện T sinh sống, để lại con chung cho chị H một mình nuôi dưỡng. Tháng 6/2023, chị H đi Nhật làm việc theo đại diện của Công ty TNHH Tân Tiến Đạt, thì con chung do bố mẹ đẻ chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

1.2. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Đức A, sinh ngày 21/10/2014. Từ khi anh T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, để lại con chung cho chị H một mình nuôi dưỡng, khi chị H đi lao động tại Nhật Bản, cháu Đức A sống cùng ông bà ngoại và theo học tại Trường tiểu học xã Thụy Quỳnh. Ông bà ngoại luôn chăm sóc cháu rất tốt và nay chị H quyết định về Việt Nam làm việc để có điều kiện nuôi dưỡng cháu Phạm Đức A. Chị H cho rằng trong thời gian anh T đón cháu Đức A về nhà ở Thụy Phong từ Tết Nguyên đán năm 2024, chị H bị gia đình anh T cấm cản, không thể tiếp tục chăm sóc con nên giữa hai mẹ con có sự xa cách về mặt tình cảm và cháu Đức A bị tác động tâm lý từ phía anh T và người nhà anh T nên cháu Đức A mới thay đổi quan điểm về việc muốn chung sống cùng anh T. Chị H cũng cho rằng phương pháp giáo dục của anh T sẽ làm hư con cái, ảnh hưởng đến tương lai của con. Vì vậy, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi.

1.3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Phạm Ngọc T trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T trình bày quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đều phù hợp với lời khai của chị H. Để cải thiện

kinh tế gia đình, chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2016 và đi về nhiều đợt cho đến năm 2023. Từ khi chị H sang Nhật Bản, giữa hai vợ chồng đã có những khoảng cách về mặt tình cảm, hai vợ chồng né tránh hỏi han nhau vì mỗi lần nói chuyện đều xảy ra cãi vã căng thẳng. Đến hiện tại tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn càng ngày càng trở nên căng thẳng và không còn tình cảm hay quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H đề nghị ly hôn, anh T đồng ý.

2.2. Về con chung: Anh T và chị H có 1 con chung là cháu Phạm Đức A sinh ngày 21/10/2014. Trong thời gian chị H lao động tại Nhật bản, con vẫn sống cùng anh T và anh T vẫn luôn nuôi dạy, chăm sóc cháu Đức A chu đáo. Đến tháng 6/2020, khi chị H có trao đổi với anh T về việc ly hôn thì anh T có chiều theo nguyện vọng của chị H và cháu Đức A để cháu sống cùng ông bà ngoại. Trong thời gian cháu Đức A sống cùng ông bà ngoại, anh T vẫn thường xuyên gửi tiền cho ông bà ngoại để lo cuộc sống cho cháu. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con nhưng nếu chị H vẫn đang sống và làm việc tại Nhật Bản nên sẽ không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con và hiện tại con có nguyện vọng muốn sống cùng anh T. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án giao cháu Đức A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị H về hản Việt Nam để sinh sống và cháu Đức A muốn sống cùng chị H thì anh T sẽ tôn trọng ý kiến của cháu Đức A.

2.3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Cháu Phạm Đức A trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và tại phiên toà: Cháu Đức A đang học lớp 4 tại Trường tiểu học Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy và sống cùng ông bà ngoại nhưng ông bà ngoại hay chửi và đe dọa đánh cháu. Từ Tết Nguyên đán năm 2024, cháu đã về sống cùng bố ở xã Thụy Phong. Từ ngày 15/02/2024, cháu Đức A nghỉ học ở xã Thụy Quỳnh về học tại xã Thụy Phong. Từ ngày 11/3/2024 cháu đã nghỉ học ở nhà vì mẹ cháu có ý kiến kiện cáo trên nhà trường xã Thụy Phong nên cháu không được đi học nhờ nữa. Nay bố mẹ ly hôn, cháu Đức A có nguyện vọng được ở với bố, cháu không muốn ở với mẹ vì mẹ và ông bà ngoại hay chửi cháu và còn ngăn cấm cháu gặp bố.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Đức A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, không giải quyết cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Phạm Thị H xin ly hôn anh Phạm Ngọc T theo thủ tục chung, chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và có mặt tại phiên tòa. Bị đơn - anh Phạm Ngọc T đã nhận được thông báo, quyết định của Tòa án, anh T cũng trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cho Tòa án và có mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn đã xuất cảnh sang Nhật Bản làm việc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh T đều thống nhất trình bày về hoàn cảnh, điều kiện, thời gian kết hôn và thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh T đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hai bên

gia đình đã nhiều lần hòa giải, động viên để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H và anh T vẫn không thể hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xử cho chị H ly hôn anh T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Đức A sinh ngày 21/10/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Đức A đã thay đổi nguyện vọng từ việc muốn được ở với mẹ sang sống cùng với bố. Tại phiên tòa, cháu Đức A vẫn giữ nguyên ý kiến muốn được sống cùng với bố và giữ nguyên toàn bộ trình bày về nguyên nhân cháu không muốn sống cùng mẹ nữa là do áp lực từ việc mẹ và ông bà ngoại hay mắng chửi và dọa đánh cháu. Mặt khác, nguyên nhân dẫn đến việc cháu Đức A phải nghỉ học là do cháu sợ đi học ở trường Thụy Quỳnh vì sợ ông bà ngoại và mẹ bắt về và việc cháu không được đi học ở Thụy Phong là do chị H có đơn kiện lên Phòng giáo dục huyện Thái Thụy để cháu Đức A không được đến trường. Xét thấy, hiện cháu Đức A đang ở trong độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, việc có một môi trường sống áp lực sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý và hình thành tính cách của cháu. Vì vậy, cần đặt quyền lợi của trẻ em lên hàng đầu và để đảm bảo việc ổn định cuộc sống và mọi mặt cho con chung, cần giao cháu Phạm Đức A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng theo đúng nguyện vọng của cháu Đức A. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 479, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Đức A, sinh ngày 21/10/2014 cho anh Phạm Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005408 ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm cho chị H.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H, anh Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 11/4/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà